

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch đầu tư công năm 2021

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 19

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 1946/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết Kế hoạch đầu tư công năm 2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất Kế hoạch đầu tư công năm 2021, với tổng số vốn là 1.686.680 triệu đồng. Cụ thể như sau:

1. Nguồn trong cân đối ngân sách: 559.680 triệu đồng.
2. Nguồn xổ số kiến thiết: 880.000 triệu đồng.
3. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 200.000 triệu đồng (trong đó: bố trí cho các dự án: 50.000 triệu đồng; bố trí ghi thu, ghi chi: 150.000 triệu đồng).
4. Nguồn bội chi ngân sách địa phương: 47.000 triệu đồng.

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

Điều 2. Thống nhất kéo dài thời gian bố trí vốn cho dự án Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh – giai đoạn 1. Huyện Châu Thành A đến năm 2023. Đồng thời thống nhất chủ trương cho triển khai các dự án khởi công mới năm 2021 thuộc danh mục các dự án dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 12 năm 2020. / *Chữ ký*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT *Chữ ký*

CHỦ TỊCH



Chữ ký
Trần Văn Huyền

ĐVT: Triệu đồng

STT	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư	Dự kiến kế hoạch 5 năm ghi đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú		
			TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cản đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn CDNS	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: vốn Cản đối NSDP		Tổng số	Thu hồi các khoản tính trước XDCB			Tổng số	Thu hồi các khoản tính trước XDCB
			2.505.137	2.171.704	1.683.995	-	-	559.680	-		
					135.407			27.984			
					49.667			40.321			
								100.000			

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn CĐNS			
						Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Trong đó			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
							Trong đó: vốn Cân đối NSDP						Thu hồi các khoản ứng trước
2	Sửa chữa Trụ sở làm việc, Hội trường Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ (giai đoạn 2)	2021-2023	2017/QĐ-UBND, 24/11/2020	30.000	30.000	30.000		8.749	8.749				
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh			193.338	85.000	7.074	7.074	-	7.074	7.074	-	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021			193.338	85.000	7.074	7.074	-	7.074	7.074	-	-	
1	Xây dựng Hồ chứa nước ngọt tỉnh Hậu Giang	2018-2021	1638/QĐ-UBND, 26/10/2018; 1776/QĐ-UBND, 19/10/2020	193.338	85.000	7.074	7.074		7.074	7.074			
III	Sở Tài nguyên và Môi trường			99.876	99.876	99.876	99.876	-	33.000	33.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			99.876	99.876	99.876	99.876	-	33.000	33.000	-	-	
1	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động liên tục trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, hạ tầng kỹ thuật tiếp nhận dữ liệu quan trắc tự động giai đoạn 2	2021 - 2024	36/NQ-HĐND, 10/11/2020	47.562	47.562	47.562	47.562		10.000	10.000			
2	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Chính trang đô thị khu vực 3, phường 5, thành phố Vị Thanh	2021 - 2023	2259/QĐ-UBND 02/12/2020	52.314	52.314	52.314	52.314		23.000	23.000			
IV	Sở Thông tin và Truyền thông			300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025	2021-2024	51/NQ-HĐND, 04/12/2020	300.500	300.500	300.500	300.500	-	43.000	43.000	-	-	
V	Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang			104.000	104.000	104.000	104.000	-	24.820	24.820	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			104.000	104.000	104.000	104.000	-	24.820	24.820	-	-	
1	Giải phóng mặt bằng: Khu mới gọi đầu tư cây trồng cạn và vi sinh (giai đoạn 1); Khu thực nghiệm trình diễn (giai đoạn 2) thuộc Khu trung tâm - Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	2021-2024	35/NQ-HĐND, 10/11/2020	104.000	104.000	104.000	104.000		24.820	24.820			
VI	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			20.000	20.000	20.000	20.000	-	7.000	7.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			20.000	20.000	20.000	20.000	-	7.000	7.000	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa Ban CHQS xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (giai đoạn 2)	2021-2023	2042/QĐ-UBND, 25/11/2020	20.000	20.000	20.000	20.000		7.000	7.000			
VII	Công an tỉnh			13.500	13.500	13.500	13.500	-	4.500	4.500	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			13.500	13.500	13.500	13.500	-	4.500	4.500	-	-	
1	Công an xã Phú Hữu	2021-2023	2306/QĐ-UBND, 02/12/2020	4.500	4.500	4.500	4.500	-	1.500	1.500	-	-	
2	Công an xã Vị Thanh	2021-2023	2307/QĐ-UBND, 02/12/2020	4.500	4.500	4.500	4.500	-	1.500	1.500	-	-	
3	Công an xã Vị Đông	2021 - 2023	2263/QĐ-UBND, 02/12/2020	4.500	4.500	4.500	4.500	-	1.500	1.500	-	-	
VIII	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lũng Ngoc Hoàng			7.500	7.500	7.500	7.500	-	2.500	2.500	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			7.500	7.500	7.500	7.500	-	2.500	2.500	-	-	
1	Hoàn thiện khu tái định cư Khu bảo tồn thiên nhiên Lũng Ngoc Hoàng	2021-2023	2069/QĐ-UBND, 27/11/2020	7.500	7.500	7.500	7.500		2.500	2.500			
IX	Sở Khoa học và Công nghệ			12.766	12.766	12.766	12.766	-	4.000	4.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			12.766	12.766	12.766	12.766	-	4.000	4.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Tổng số	Thi hồi các khoản ứng trước		Thi hồi các khoản ứng trước		Thi hồi các khoản ứng trước
1	Đầu tư trang thiết bị Phòng thí nghiệm nuôi cấy tế bào thực vật và Phòng nghiên cứu Công nghệ sinh học thực phẩm, được phẩm và môi trường	2021-2023	2272/QĐ-UBND, 02/12/2020	11.666	11.666	11.666			3.500	3.500				
2	Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin tại Sở Khoa học và Công nghệ	2021-2023	2271/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.100	1.100	1.100	6.000	6.000	500	500	4.500	-	-	
X	Sở Tài chính			6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	4.500	4.500	-	-		
1	Dự án khởi công mới năm 2021			6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	4.500	4.500	-	-		
1	Phân mềm quản lý ngân sách dự án đầu tư	2021-2023	1984/QĐ-UBND, 20/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	2.500	2.500				
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Tài chính tỉnh Hậu Giang	2021-2023	1977/QĐ-UBND, 19/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	2.000	2.000				
XI	Sở Kế hoạch và Đầu tư			8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	6.000	6.000	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	6.000	6.000	-	-		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang	2021-2023	2300/QĐ-UBND, 02/12/2020	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	3.000	3.000				
2	Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý và phát triển doanh nghiệp tỉnh Hậu Giang	2021-2023	1871/QĐ-UBND, 02/11/2020	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.000	3.000				
XII	Sở Tư pháp			2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800	-	-		
1	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	2021-2023	1959/QĐ-UBND, 18/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.800	1.800				
XIII	Văn phòng Tỉnh ủy			20.990	20.990	20.990	20.990	20.990	7.000	7.000	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			20.990	20.990	20.990	20.990	20.990	7.000	7.000	-	-		
1	Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng	2021-2023	2286/QĐ-UBND, 02/12/2020	20.990	20.990	20.990	20.990	20.990	7.000	7.000				
IX	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			742.275	672.275	114.218	114.218	114.218	6.000	6.000	-	-		
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			742.275	672.275	114.218	114.218	114.218	6.000	6.000	-	-		
	Dự án nhóm A			742.275	672.275	114.218	114.218	114.218	6.000	6.000	-	-		
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thành - giai đoạn 1, huyện Châu Thành A	2010-2023	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	114.218	114.218	114.218	6.000	6.000				
**	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ			456.717	456.717	456.717	456.717	456.717	141.780	141.780	-	-		
I	UBND thành phố Vị Thanh			44.293	44.293	44.293	44.293	44.293	11.580	11.580	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			44.293	44.293	44.293	44.293	44.293	11.580	11.580	-	-		
	Dự án nhóm C			44.293	44.293	44.293	44.293	44.293	11.580	11.580	-	-		
1	Đường Hòa Bình nối dài	2021-2023	2063/QĐ-UBND, 26/11/2020	37.293	37.293	37.293	37.293	37.293	9.080	9.080				
2	Xây dựng cầu Tàu tại khu vực 2 phường 1, thành phố Vị Thanh	2021-2023	2062/QĐ-UBND, 26/11/2020	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	2.500	2.500				
II	UBND thành phố Ngã Bảy			31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	9.625	9.625	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2021			31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	9.625	9.625	-	-		
	Dự án nhóm C			31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	9.625	9.625	-	-		
1	Nâng cấp lộ Mang Cá, xã Đại Thành	2021-2023	2126/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cản đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn CDNS		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cản đối NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cản đối NSDP			Tổng số	Trong đó: vốn CDNS	
2	Lộ kênh Đào (đoạn từ Mái Dầm đến Ba Ngạn A), xã Đại Thành	2021-2023	2125/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.600	5.600	5.600	5.600	5.600	2.000	2.000			
3	Nâng cấp sửa chữa kho vũ khí Ban Chỉ huy Quân sự thị xã, trụ sở Công an xã Tân Thành và xã Đại Thành	2021-2023	2229/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	500	500			
4	Lộ ven kênh Lái Hiếu, khu vực IV, phường Lái Hiếu	2021-2023	2127/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000			
5	Lộ kênh 1000 thuộc khu vực IV, phường Lái Hiếu	2021-2023	2115/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000			
6	Lộ kênh 500, khu vực V, phường Ngã Bảy	2021-2023	2128/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000			
7	Công viên cây xanh và khu tái định cư cấp đường Lê Hồng	2021-2023	2180/QĐ-UBND, 01/12/2020	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	2.625	2.625			
III	Phong và đường Phạm Hùng (nối dài)			76.976	76.976	76.976	76.976	76.976	24.375	24.375	-	-	
	UBND thị xã Long Mỹ			76.976	76.976	76.976	76.976	76.976	24.375	24.375	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			76.976	76.976	76.976	76.976	76.976	24.375	24.375	-	-	
1	Kho lưu trữ thị xã Long Mỹ	2021-2023	2094/QĐ-UBND, 27/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500			
2	Trụ sở UBND phường Vĩnh Tường	2021-2023	2091/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.998	14.998	14.998	14.998	14.998	2.975	2.975			
3	Trụ sở phường Trà Lồng	2021-2023	2089/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.998	14.998	14.998	14.998	14.998	5.000	5.000			
4	Trụ sở phường Bình Thạnh	2021-2023	2087/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.990	14.990	14.990	14.990	14.990	5.000	5.000			
5	Trụ sở UBND xã Long Trị A	2021-2023	2090/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.990	14.990	14.990	14.990	14.990	5.000	5.000			
6	Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã	2021-2023	2093/QĐ-UBND, 27/11/2020	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	3.900	3.900			
7	Nâng cấp, sửa chữa cơ quan Chi cục Thuế cũ làm trụ sở làm việc các cơ quan ban, ngành thị xã	2021-2023	2092/QĐ-UBND, 27/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000			
IV	UBND huyện Long Mỹ			54.330	54.330	54.330	54.330	54.330	22.200	22.200	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			54.330	54.330	54.330	54.330	54.330	22.200	22.200	-	-	
	Dự án nhóm C			54.330	54.330	54.330	54.330	54.330	22.200	22.200	-	-	
1	Đường bê tông bờ Bắc kênh 19/5 ấp 6 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2162/QĐ-UBND, 01/12/2020	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	1.000	1.000			
2	NCSC trụ sở UBND thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023	2304/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.130	1.130	1.130	1.130	1.130	700	700			
3	NCSC Hội trường UBND huyện Long Mỹ và 05 phòng nhà công vụ	2021-2023	2305/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	500	500			
4	Đường bê tông tuyến kênh 5 Bối áp 10 xã Lương Nghĩa	2021-2023	2173/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	1.500	1.500			
5	Đường bê tông bờ Nam kênh Rạch Bảo Răng ấp 6 xã Lương Nghĩa	2021-2023	2170/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	2.000	2.000			

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS				
			Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Thu hồi các khoản ứng trước	Thu hồi các khoản ứng trước		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước			
6	Đường bê tông bờ Đông kênh Thủy Lợi 4 ấp 11 xã Lương Nghĩa	2021-2023	2172/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.500	1.500	1.500			500	500				
7	Đường bê tông tuyến kênh Cái Rắn (đoạn từ cầu Chầu đến sông Cái Ngan Dừa) ấp 7 xã Xã Phấn	2021-2023	2161/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000			1.500	1.500				
8	Đường bê tông tuyến kênh Chông Mỹ (đoạn từ 930B đến sông Ngan Dừa) ấp 6 xã Xã Phấn	2021-2023	2160/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.000	7.000	7.000			2.500	2.500				
9	Đường bê tông bờ Bắc kênh Long Mỹ 2 ấp 3, ấp 4 xã Thuận Hòa	2021-2023	2159/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.000	10.000	10.000			4.000	4.000				
10	Nâng cấp mở rộng đường nội ô thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023	2171/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.000	10.000	10.000			4.000	4.000				
11	Đường kênh Hóc Pô (đoạn từ giáp đường tỉnh 930 đến sông Ngan Dừa)	2021-2023	2297/QĐ-UBND, 02/12/2020	10.500	10.500	10.500			4.000	4.000				
V	UBND huyện Vĩnh Thủy			103.802	103.802	103.802			28.000	28.000				
	Dự án khởi công mới năm 2021			103.802	103.802	103.802			28.000	28.000				
1	Tuyến đường giao thông nông thôn ấp 5, thị trấn Nàng Mau	2021-2023	2059/QĐ-UBND, 26/11/2020	5.000	5.000	5.000			1.500	1.500				
2	Tuyến Kênh Ngang (ấp 6, 7), xã Vĩnh Thuận Tây	2021-2023	2058/QĐ-UBND, 26/11/2020	9.000	9.000	9.000			3.000	3.000				
3	Cầu Kênh Hậu	2021-2023	2064/QĐ-UBND, 26/11/2020	5.000	5.000	5.000			1.500	1.500				
4	Đường GTNT ấp 6, ấp 7, ấp 8 xã Vĩnh Thuận	2021-2023	2060/QĐ-UBND, 26/11/2020	6.000	6.000	6.000			2.000	2.000				
5	Kênh xả nước Nàng Mau (giai đoạn 2)	2021-2023	2158/QĐ-UBND, 01/12/2020	78.802	78.802	78.802			20.000	20.000				
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			61.116	61.116	61.116			19.700	19.700				
	Dự án khởi công mới năm 2021			61.116	61.116	61.116			19.700	19.700				
1	Tuyến lộ cấp kênh Xáng Nàng Mau (bờ phải) xã Tân Long - Long Thạnh	2021-2023	2165/QĐ-UBND, 01/12/2020	12.000	12.000	12.000			4.000	4.000				
2	Tuyến từ trường THCS Hòa Mỹ đến Ngã Tư Phở Thuật	2021-2023	2168/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.000	7.000	7.000			2.000	2.000				
3	Đường số 1, một đoạn tuyến của đường số 6, một đoạn tuyến của đường số 5 cấp kênh La Bạch trung tâm thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp (giai đoạn 2)	2021-2023	2164/QĐ-UBND, 01/12/2020	13.316	13.316	13.316			4.000	4.000				
4	Trụ sở UBND xã Thanh Hoà	2021-2023	2302/QĐ-UBND, 02/12/2020	16.000	16.000	16.000			5.000	5.000				
5	Trụ sở công an xã Thanh Hoà	2021-2023	2232/QĐ-UBND, 02/12/2020	2.000	2.000	2.000			1.000	1.000				
6	Trụ sở xã đội xã Thanh Hoà	2021-2023	2231/QĐ-UBND, 02/12/2020	2.000	2.000	2.000			1.000	1.000				
7	NCSC trụ sở xã đội, công an, nhà bia xã Hoà Mỹ	2021-2023	2230/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.500	1.500	1.500			700	700				
8	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy	2021-2023	2303/QĐ-UBND, 02/12/2020	7.300	7.300	7.300			2.000	2.000				
VII	UBND huyện Châu Thành			38.700	38.700	38.700			12.000	12.000				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian thi công hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giải ngân từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Tổng số	Tổng số	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn Cân đối NSDP							
				38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	12.000	12.000	12.000	
I	Dự án khởi công mới năm 2021		2287/QĐ-UBND, 02/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500	1.500	
2	Xây dựng Chính quyền diện từ hiện đại, hoàn thiện huyện Châu Thành	2021-2023	2086/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	4.500	4.500	4.500	
3	Khu hành chính xã Đồng Phú, huyện Châu Thành	2021-2023	2078/QĐ-UBND, 27/11/2020	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000	
4	Cầu Kênh Thạnh Đông đầu nối với thành phố Cần Thơ	2021-2023	2130/QĐ-UBND, 27/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	1.000	1.000	1.000	
5	Tuyến đường kết nối với Tp Cần Thơ (từ đường ô tô Cái Chánh-Đông Phú nối đường ô tô phường Tân Phú, quận Cái Răng)	2021-2023	2079/QĐ-UBND, 27/11/2020	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	2.000	2.000	2.000	
VIII	Năng cấp, sửa chữa tuyến đường giao thông Trầm Bông	2021-2023		45.900	45.900	45.900	45.900	45.900	14.300	14.300	14.300	
	UBND huyện Châu Thành A			45.900	45.900	45.900	45.900	45.900	14.300	14.300	14.300	
1	Dự án khởi công mới năm 2021			5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500	1.500	
2	Tuyến giao thông nông thôn kênh Đồng Pháp	2021-2023	2084/QĐ-UBND, 27/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	1.500	1.500	1.500	
3	Tuyến giao thông Kênh 7000 ấp Trường Thuận - Trường Thuận A	2021-2023	2121/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
4	Đường giao thông tuyến kênh 6 Thước	2021-2023	2119/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
5	Đường giao thông tuyến kênh Ranh	2021-2023	2118/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
6	Đường giao thông tuyến kênh nước mấm Y Hươu	2021-2023	2117/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	700	700	700	
7	Lô GTNT tuyến kênh 500	2021-2023	2122/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
8	Đường giao thông từ cầu Đất Sét đến Rạch Chùa	2021-2023	2081/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
9	Đường giao thông tuyến kênh 7000	2021-2023	2124/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
10	Đường giao thông tuyến cấp sông Ba Láng ấp Long An	2021-2023	2132/QĐ-UBND, 30/11/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	1.500	1.500	1.500	
11	Tuyến giao thông nông thôn kênh Dãy	2021-2023	2120/QĐ-UBND, 30/11/2020	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	600	600	600	
12	Tuyến giao thông nông thôn kênh Tế	2021-2023	2123/QĐ-UBND, 30/11/2020	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	600	600	600	
13	Cầu Kênh 4000 ấp Trường Phước A	2021-2023	2082/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
14	Đường giao thông Hương lộ 12	2021-2023	2131/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.200	1.200	1.200	1.200	1.200	600	600	600	
15	Lô GTNT tuyến kênh Xáng Mới, dài: 900m	2021-2023	2085/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	700	700	700	
16	Đường giao thông đoạn từ nhà ông Giang đến nhà ông Thuận	2021-2023	2083/QĐ-UBND, 27/11/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	1.500	1.500	1.500	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
					TMĐT		Trong đó: vốn Cân đối NSDP		Trong đó: vốn CDNS				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Trong đó: vốn Cân đối NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			
16	Đường giao thông từ vạt Rạch Chùa đến ngọn Rạch Chùa	2021-2023	2116/QĐ-UBND, 30/11/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000				1.500	

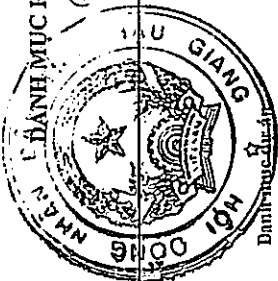
Phụ lục số II

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT)

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	 Danh mục đầu tư	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm gần đây từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
														</	



STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự toán kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
28	Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến thắng Chương Thiện: Sơn lai và xử lý chống lùn tam cấp nhà trung bày, cổng hàng rào, nhà làm việc, nhà bảo vệ và bảo quản các hiện vật trưng bày ngoài trời (xe tăng, máy bay, súng, đạn....); thay mới hệ thống đèn chiếu sáng, trồng thêm cây kiểng.	2021-2023	1996/QĐ-UBND, 23/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000	3.000				
29	Di tích Liên Tỉnh ủy Cần Thơ: Sơn lai hàng rào, bia, xử lý chống lùn nội; Gia cổ bử kè	2021-2023	1995/QĐ-UBND, 23/11/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900	900				
30	Xây dựng 02 cụm pano tại Cầu Cái Tư và đường Nam Sông Hậu	2021-2023	1997/QĐ-UBND, 23/11/2020	5.800	5.800	5.800	5.800			3.000	3.000				
31	Di tích Ủy ban liên hợp đình chiến Nam Bộ	2021-2023	1993/QĐ-UBND, 23/11/2020	2.113	2.113	2.113	2.113			1.500	1.500				
32	Xây dựng tượng đài thuộc di tích Chiến thắng Cháy Đạp, xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp	2021-2023	1274/QĐ-UBND, 16/7/2020	7.300	7.300	7.300	7.300			5.000	5.000				
33	Xây dựng Nhà Trưng bày Cổ Luật sư Nguyễn Hữu Thọ	2021-2023	1994/QĐ-UBND, 23/11/2020	5.355	5.355	5.355	5.355			4.000	4.000				
II	Sở Giáo dục và Đào tạo			56.397	56.397	56.397	56.397	0	0	45.000	45.000				
	Dự án khởi công mới năm 2021			56.397	56.397	56.397	56.397	-	-	45.000	45.000				
	Dự án nhóm B			56.397	56.397	56.397	56.397	-	-	45.000	45.000				
I	Đầu tư hệ thống lọc nước uống cho các trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2	2021-2023	2308/QĐ-UBND 02/12/2020	56.397	56.397	56.397	56.397			45.000	45.000				
III	Công ty Cổ phần cấp nước và VSMT nông thôn Giang			152.000	152.000	152.000	152.000	-	-	107.000	107.000				
	Dự án khởi công mới năm 2021			152.000	152.000	152.000	152.000	-	-	107.000	107.000				
1	Trạm cấp nước tập trung liên xã Hòa An và xã Hiệp Hưng huyện Phụng Hiệp (Công suất 200m³/h)	2021-2023	2241/QĐ-UBND 02/12/2020	43.000	43.000	43.000	43.000			30.000	30.000				
2	Trạm cấp nước tập trung xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp (Công suất 50m³/h)	2021-2023	2239/QĐ-UBND 02/12/2020	22.000	22.000	22.000	22.000			15.000	15.000				
3	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung xã Phương Bình (Năng công suất từ 30m³/h lên 100m³/h)	2021-2023	2238/QĐ-UBND 02/12/2020	17.000	17.000	17.000	17.000			12.000	12.000				
4	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vĩ Thắng, huyện Vĩ Thủy (Năng công suất từ 50m³/h lên 100m³/h)	2021-2023	2237/QĐ-UBND 02/12/2020	17.000	17.000	17.000	17.000			12.000	12.000				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
5	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước lập trung xã Hòa Tiến, thành phố Vị Thanh (Năng công suất từ 35m ³ /h lên 100m ³ /h)	2021-2023	2240/QĐ-UBND 02/12/2020	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	-	14.000	14.000	14.000	
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước lập trung Long Bình, thị xã Long Mỹ (Năng công suất từ 40m ³ /h lên 100m ³ /h)	2021-2023	2260/QĐ-UBND 02/12/2020	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	-	14.000	14.000	14.000	
7	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước lập trung Phương Phú, huyện Phụng Hiệp (Năng công suất từ 50m ³ /h lên 100m ³ /h)	2021-2023	2261/QĐ-UBND 02/12/2020	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	10.000	10.000	10.000	
IV	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang			14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	0	11.000	11.000	11.000	
	Dự án khởi công mới năm 2021			14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	0	11.000	11.000	11.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa Thư viện và xây dựng Thư viện điện tử của trường (trang thiết bị và phần mềm Thư viện điện tử)	2021-2023	2203/QĐ-UBND 01/12/2020	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000		3.000	3.000	3.000	
2	Nâng cấp, sửa chữa ký túc xá, hàng rào trường CĐCD Hậu Giang	2021-2023	2202/QĐ-UBND 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		4.000	4.000	4.000	
3	Nâng cấp, sửa chữa Khu nhà học A1 và B1	2021-2023	2204/QĐ-UBND 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		4.000	4.000	4.000	
V	Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang			96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	0	60.000	60.000	60.000	
	Dự án khởi công mới năm 2021			96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	0	60.000	60.000	60.000	
1	Nâng cấp hệ thống phát thanh - truyền hình Hậu Giang	2021-2024	27/NQ-HĐND, 10/11/2020	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600	96.600		60.000	60.000	60.000	
B	CẤP HUYỆN QUAN LÝ			526.394	526.354	516.506	516.506	516.506	516.506	516.506	0	303.900	303.900	303.900	
I	UBND thành phố Vị Thanh			60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	0	41.100	41.100	41.100	
	Dự án khởi công mới năm 2021			60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	60.466	0	41.100	41.100	41.100	
1	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân, xã Hòa Lạc, thành phố Vị Thanh (giai đoạn 2)	2021-2023	2147/QĐ-UBND 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000		4.000	4.000	4.000	
2	Trường Tiểu học Him Lam, phường IV, thành phố Vị Thanh	2021-2023	2075/QĐ-UBND, 27/11/2020	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200		2.000	2.000	2.000	
3	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn, phường V thành phố Vị Thanh (giai đoạn 2)	2021-2023	2071/QĐ-UBND, 27/11/2020	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500		6.000	6.000	6.000	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vành Khuyên, Phường IV, thành phố Vị Thanh	2021-2023	2074/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800		1.600	1.600	1.600	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sen Hồng, Phường III, thành phố Vĩnh Yên	2021-2023	2073/QĐ-UBND, 27/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000		
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, phường IV, thành phố Vĩnh Yên	2021-2023	2076/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.300	1.300	1.300	1.300			1.100	1.100		
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Trãi Mĩ, Phường III, thành phố Vĩnh Yên	2021-2023	2072/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900	900		
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Chu Văn An, phường VII, thành phố Vĩnh Yên	2021-2023	2077/QĐ-UBND, 27/11/2020	3.400	3.400	3.400	3.400			2.500	2.500		
9	Trường THCS Châu Văn Liêm, phường IV, thành phố Vĩnh Yên	2021-2023	2323/QĐ-UBND, 03/12/2020	23.000	23.000	23.000	23.000			15.000	15.000		
10	Trường Tiểu học Lý Thường Kiệt, phường IV, thành phố Vĩnh Yên (mở rộng diện tích đất)	2021-2023	2324/QĐ-UBND, 03/12/2020	10.266	10.266	10.266	10.266			6.000	6.000		
II	UBND thành phố Ngã Báy			44.113	44.113	41.815	41.815	-	-	28.000	28.000	-	-
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2021			5.998	5.998	3.700	3.700	-	-	3.700	3.700	-	-
I	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thị xã Ngã Báy	2019-2021	1158/QĐ-UBND, 01/8/2018	5.998	5.998	3.700	3.700			3.700	3.700		
	Dự án khởi công mới năm 2021			38.115	38.115	38.115	38.115	-	-	24.300	24.300		
1	Cầu tàu chợ mới Ngã Báy	2021-2023	2129/QĐ-UBND, 30/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000		
2	Nâng cấp sửa chữa Trường Mẫu giáo Phong Lan	2021-2023	2155/QĐ-UBND, 01/12/2020	900	900	900	900			800	800		
3	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Lý Tự Trọng	2021-2023	2151/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.000	1.000		
4	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học Hùng Vương	2021-2023	2154/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900	900		
5	Nâng cấp sửa chữa Trường THCS Đại Thành	2021-2023	2157/QĐ-UBND, 01/12/2020	900	900	900	900			800	800		
6	Nâng cấp sửa chữa Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Ngã Báy	2021-2023	2268/QĐ-UBND, 02/12/2020	3.700	3.700	3.700	3.700			2.000	2.000		
7	Nâng cấp sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ Phụng Hiệp - Ngã Báy	2021-2023	2270/QĐ-UBND, 02/12/2020	7.000	7.000	7.000	7.000			4.000	4.000		
8	Nâng cấp sửa chữa 4 điểm trường (Trường Tiểu học Lái Hiếu, Trường Tiểu học Tân Thành 2, Trường Mẫu giáo Đông Sen, Trường Mẫu giáo Sao Mai)	2021-2023	2156/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900	900		
9	Trường Tiểu học Kim Đồng	2021-2023	2153/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.000	4.000	4.000	4.000			3.000	3.000		
10	Trường Tiểu học Hiệp Thành 3	2021-2023	2149/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000		
11	Nhà ăn bán trú Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	2021-2023	2152/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000	2.000		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			
									Thanh toán nợ XD/CB			Thanh toán nợ XD/CB	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XD/CB
12	Hà tặng nhà bia liệt sĩ Đại Thành và Tân Thành	2021-2023	2269/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900					
13	Trường trung học cơ sở Đại Thành, xã Đại Thành	2021-2023	2150/QĐ-UBND, 01/12/2020	8.415	8.415	8.415	8.415			4.000					
III	UBND thị xã Long Mỹ			66.144	66.144	66.144	66.144	0	0	42.500					
*	Dự án khởi công mới năm 2021			66.144	66.144	66.144	66.144	0	0	42.500					
1	Sân bóng đá thị xã Long Mỹ	2021-2023	2088/QĐ-UBND, 27/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000					
2	Trường Mẫu giáo Hoa Mĩ, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ (Điện, nước và cây xanh)	2021-2023	2198/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.000	4.000	4.000	4.000			3.000					
3	Trường Mẫu giáo Long Phú, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2192/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			600					
4	Trường Tiểu học Long Phú 1, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2199/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000					
5	Trường Trung học cơ sở Long Phú, xã Long Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2197/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.500	1.500	1.500	1.500			800					
6	Trường Tiểu học Long Bình, xã Long Bình, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2201/QĐ-UBND, 01/12/2020	9.000	9.000	9.000	9.000			6.000					
7	Trường Mẫu giáo Long Bình, xã Long Bình, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2193/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.200	7.200	7.200	7.200			5.000					
8	Trường Tiểu học Tân Phú 3, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2200/QĐ-UBND, 01/12/2020	8.500	8.500	8.500	8.500			5.000					
9	Trường Trung học cơ sở Tân Phú, xã Tân Phú, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2196/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.300	1.300	1.300	1.300			1.100					
10	Trường Tiểu học Thuận An, phường Thuận An, thị xã Long Mỹ	2021-2023	2195/QĐ-UBND, 01/12/2020	14.900	14.900	14.900	14.900			10.000					
11	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	2021-2023	2194/QĐ-UBND, 01/12/2020	8.744	8.744	8.744	8.744			5.000					
IV	UBND huyện Long Mỹ			92.410	92.410	87.920	87.920	0	0	54.400					
	Dự án khởi công mới năm 2021			92.410	92.410	87.920	87.920	0	0	54.400					
1	Trường Mẫu giáo Xã Phiên 2	2021-2023	2207/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000					
2	Trường Mẫu giáo Thuận Hòa (Giai đoạn 2)	2021-2023	2214/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000					
3	Trường Tiểu học Lương Tâm 1	2021-2023	2210/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			3.000					
4	Công chào huyện Long Mỹ (dồn cầu Trắng)	2021-2023	2250/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.500	1.500	1.500	1.500			1.300					
5	Công chào huyện Long Mỹ (dồn đường tỉnh 931)	2021-2023	2252/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			800					

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giải đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: vốn XSKT		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Trong đó			Thu hồi các khoản ứng trước	Trong đó	
6	Cổng chào huyện Long Mỹ (đoạn đường tỉnh 930B)	2021-2023	2253/QĐ-UBND, 02/12/2020	800	800	800	800	800	700				
7	Cổng chào thị trấn Vĩnh Viễn (đường tỉnh 930)	2021-2023	2251/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	800				
8	Cụm panô cầu Trắng xã Thuận Hưng	2021-2023	2295/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
9	Cụm panô Giáp ranh xã Thuận Hưng - thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023	2290/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
10	Cụm panô Ngã tư 10 Thước - Vĩnh Thuận Thôn	2021-2023	2293/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
11	Cụm panô phà Xẻo Vẹt xã Lương Tâm	2021-2023	2233/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
12	Cụm panô đò Chín Tiến thị trấn Vĩnh Viễn	2021-2023	2292/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
13	Cụm panô Trung tâm Hành chính huyện Long Mỹ	2021-2023	2294/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
14	Cụm panô cầu Vĩnh Chèo xã Vĩnh Viễn (Đường tỉnh 931)	2021-2023	2288/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
15	Cụm panô Giáp ranh xã Thuận Hưng - xã Xá Phấn	2021-2023	2291/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
16	Cụm panô Đền thờ Bắc Hồ	2021-2023	2296/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
17	Cụm panô Giáp ranh xã Lương Nghĩa - xã Vĩnh Tuy	2021-2023	2289/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500	500	400				
18	Trường THCS Thuận Hưng	2021-2023	2212/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	4.000				
19	Trường Tiểu học Lương Nghĩa 3	2021-2023	2206/QĐ-UBND, 01/12/2020	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	5.000				
20	Trường Mẫu giáo Xá Phấn 1 (giai đoạn 2)	2021-2023	2213/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	7.000				
21	Trường THCS Nguyễn Thành Đồ	2021-2023	2208/QĐ-UBND, 01/12/2020	14.990	14.990	10.500	10.500	10.500	7.000				
22	Trung tâm văn hóa thể thao - học tập cộng đồng xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2255/QĐ-UBND, 02/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	2.000				
23	Nhà văn hóa ấp 6 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2245/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	800				
24	Nhà văn hóa ấp 9 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2246/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	800				

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm gần đây từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Thu hồi các khoản lãi trước		Thanh toán nợ XDCB		Tổng số
25	Nhà văn hóa ấp 10 xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2247/QĐ-UBND, 02/12/2020	800	800	800	800		700	700		
26	Cổng chào trước đầu ra xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2248/QĐ-UBND, 02/12/2020	300	300	300	300		250	250		
27	Cổng chào trước đầu vào xã Vĩnh Viễn A	2021-2023	2249/QĐ-UBND, 02/12/2020	300	300	300	300		250	250		
28	Trường Mẫu giáo Vĩnh Viễn 1	2021-2023	2211/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5000	5.000	5.000		3.000	3.000		
29	Trường THCS Xã Phiên	2021-2023	2209/QĐ-UBND, 01/12/2020	12.000	12000	12.000	12000		4.000	4.000		
30	Trường THCS Lương Tâm	2021-2023	2205/QĐ-UBND, 01/12/2020	6.720	6.720	6.720	6.720		4.000	4.000		
V	UBND huyện Vĩnh Thủy			80.451	80.451	80.451	80.451		34.300	34.300		
	Dự án khởi công mới năm 2021			80.451	80.451	80.451	80.451	0	34.300	34.300		
1	Trường Tiểu học thị trấn Nàng Mau 1	2021-2023	2190/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.000	7.000	7.000	7.000		5.000	5.000		
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Tường	2021-2023	2141/QĐ-UBND, 30/11/2020	240	240	240	240		240	240		
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Thanh	2021-2023	2136/QĐ-UBND, 30/11/2020	500	500	500	500		400	400		
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà bia xã Vĩnh Thủy	2021-2023	2140/QĐ-UBND, 30/11/2020	500	500	500	500		400	400		
5	Nâng cấp, bia tưởng niệm anh hùng liệt sỹ	2021-2023	2134/QĐ-UBND, 30/11/2020	700	700	700	700		600	600		
6	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Trung	2021-2023	2139/QĐ-UBND, 30/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000		1.500	1.500		
7	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Đông	2021-2023	2137/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.400	1.400	1.400	1.400		1.200	1.200		
8	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa xã Vĩnh Thanh	2021-2023	2138/QĐ-UBND, 30/11/2020	1.400	1.400	1.400	1.400		1.200	1.200		
9	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	2021-2023	2187/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000		2.000	2.000		
10	Trường Mầm non Vạng Anh	2021-2023	2186/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.000	5.000	5.000	5.000		3.000	3.000		
11	Trường Tiểu học Vĩnh Thanh 2	2021-2023	2188/QĐ-UBND, 01/12/2020	6.526	6.526	6.526	6.526		5.000	5.000		
12	Trường Tiểu học Vĩnh Thanh 3	2021-2023	2184/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.000	4.000	4.000	4.000		3.000	3.000		
13	Trường Mẫu giáo Vĩnh Đông	2021-2023	2185/QĐ-UBND, 01/12/2020	2.760	2.760	2.760	2.760		2.760	2.760		

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm ghi đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Thu hồi các khoản tăng trước		Thanh toán nợ XD/CB	Tổng số	Thu hồi các khoản tăng trước	
14	Trường Tiểu học Vị Đông 1	2021-2023	2181/QĐ-UBND, 01/12/2020	17.535	17.535	17.535	17.535			6.400	6.400		
15	Trường Tiểu học Vị Đông 2	2021-2023	2191/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.130	3.130	3.130	3.130			300	300		
16	Trường Tiểu học Vị Đông 3	2021-2023	2183/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.760	4.760	4.760	4.760			300	300		
17	Trường Tiểu học Vị Đông 4	2021-2023	2182/QĐ-UBND, 01/12/2020	9.000	9.000	9.000	9.000			400	400		
18	Trường THCS Vị Đông	2021-2023	2189/QĐ-UBND, 01/12/2020	6.000	6.000	6.000	6.000			300	300		
19	05 Nhà văn hóa các ấp thị trấn Nàng Mau	2021-2023	2135/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.000	5.000	5.000	5.000			300	300		
VI	UBND huyện Phụng Hiệp			73.993	73.993	73.933	73.933	0	0	39.700	39.700		
	Dự án khởi công mới năm 2021			73.993	73.993	73.933	73.933	0	0	39.700	39.700		
1	Trường THCS Hưng Điện	2021-2023	2218/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.100	7.100	7.100	7.100			4.000	4.000		
2	Trường THCS Hòa Mỹ	2021-2023	2217/QĐ-UBND, 01/12/2020	10.200	10.200	10.200	10.200			7.000	7.000		
3	Trường THCS Bình Thành	2021-2023	2216/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.200	5.200	5.200	5.200			3.000	3.000		
4	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Phụng Hiệp	2021-2023	2215/QĐ-UBND, 01/12/2020	9.500	9.500	9.500	9.500			4.500	4.500		
5	Trạm y tế xã Thanh Hoà	2021-2023	2301/QĐ-UBND, 02/12/2020	7.000	7.000	7.000	7.000			3.000	3.000		
6	NCSC Nhà văn hoá ấp Hoà Phụng B	2021-2023	2278/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500			400	400		
7	Nhà văn hoá ấp Hoà Long A	2021-2023	2282/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.000	1.000		
8	Nhà văn hoá ấp Hoà Long B	2021-2023	2281/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.000	1.000		
9	Nhà văn hóa ấp Hòa Phụng A	2021-2023	2279/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500			400	400		
10	Nhà văn hoá ấp Hoà Bình	2021-2023	2277/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.100	1.100		
11	Cổng chào thị trấn Kinh Cùng	2021-2023	2283/QĐ-UBND, 02/12/2020	600	600	600	600			500	500		
12	NCSC Nhà văn hoá ấp Mỹ Quới B	2021-2023	2267/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500			400	400		

STT	Danh mục dự án	Thời gian lên kế hoạch, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn XSKT	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số	Thù hồi các khoản vay trước	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thù hồi các khoản vay trước
13	NCSC Nhà văn hoá ấp Mỹ Lợi	2021-2023	2266/QĐ-UBND, 02/12/2020	500	500	500	500			400			
14	Nhà văn hoá ấp Mỹ Hoà	2021-2023	2264/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.100			
15	Nhà văn hoá ấp Hưng Phú	2021-2023	2265/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.200	1.200	1.200	1.200			1.100			
16	Nhà văn hoá ấp Thống Nhất	2021-2023	2280/QĐ-UBND, 02/12/2020	1.500	1.500	1.500	1.500			1.300			
17	Trung tâm văn hóa thể thao xã Phụng Hiệp	2021-2023	2284/QĐ-UBND, 02/12/2020	7.500	7.500	7.500	7.500			2.500			
18	Đường vào Trung tâm Hành chính xã Thạnh Hòa	2021-2023	2167/QĐ-UBND, 01/12/2020	9.900	9.900	9.900	9.900			4.000			
19	Trung tâm văn hoá - thể thao TT Kinh Cùng	2021-2023	2285/QĐ-UBND, 02/12/2020	7.493	7.493	7.433	7.433			3.000			
VII	UBND huyện Châu Thành			48.943	48.903	45.903	45.903	-	-	29.200			
	Dự án khởi công mới năm 2021			48.943	48.903	45.903	45.903	-	-	29.200			
1	Trường Mẫu giáo Phú Tân (Quy hoạch mở rộng xây dựng các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị ở các khu A,B,C để công nhận đạt chuẩn)	2021-2023	2111/QĐ-UBND, 27/11/2020	15.000	15.000	15.000	15.000			10.000			
2	Trường Tiểu học Đồng Phú 1 (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2104/QĐ-UBND, 27/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000			1.500			
3	Trường Tiểu học Đồng Thành 1 (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2109/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			800			
4	Trường Tiểu học Ngô Hữu Hành 1 (Xây dựng mới 4 phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2148/QĐ-UBND, 01/12/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000			
5	Trường THCS Nguyễn Văn Quy (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2108/QĐ-UBND, 27/11/2020	3.000	3.000	3.000	3.000			2.000			
6	Trường THCS Đồng Phước A (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2106/QĐ-UBND, 27/11/2020	2.000	2.000	2.000	2.000			1.500			
7	Trường Tiểu học Đồng Khởi (Xây dựng mới phòng học, kiểu phòng phục vụ học tập, khối hiệu bộ và trang thiết bị)	2021-2023	2105/QĐ-UBND, 27/11/2021	15.000	15.000	12.000	12.000			6.000			
8	Trường Mẫu giáo Hướng Dương (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	QĐ 2102/QĐ- UBND, 27/11/2020	1.000	1.000	1.000	1.000			900			
9	Trường Tiểu học Phú Hữu 2 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2107/QĐ-UBND, 27/11/2020	2.500	2.500	2.500	2.500			1.500			
10	Trường Tiểu học Phú Hữu 3 (Xây dựng mới các phòng, nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	2110/QĐ-UBND, 27/11/2021	2.500	2.500	2.500	2.500			1.500			

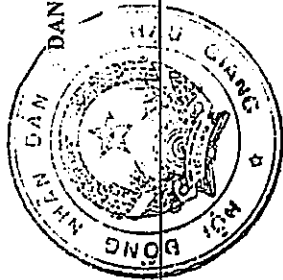
STT	Danh mục dự án	Thời gian lưu trữ công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số: vốn XSKT		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
I 1	Trường Mẫu giáo Đồng Phú (nâng cấp sửa chữa và trang thiết bị)	2021-2023	1.943	1.903	2103/QĐ-UBND, 27/11/2020	1.903	1.903			1.500	1.500			
VIII	UBND huyện Châu Thành A		59.874	59.874		59.874	59.874	0	0	34.700	34.700			
	Dự án khởi công mới năm 2021		59.874	59.874		59.874	59.874	0	0	34.700	34.700			
1	Trường Mầm non Anh Đào	2021-2023	20.874	20.874	2219/QĐ-UBND, 01/12/2020	20.874	20.874	20.874		12.000	12.000			
2	Trường Tiểu học Ngô Quyền	2021-2023	14.900	14.900	2231/QĐ-UBND, 01/12/2020	14.900	14.900	14.900		8.000	8.000			
3	Mua sắm bàn, ghế, trang thiết bị phục vụ giảng dạy các trường trên địa bàn huyện	2021-2023	4.200	4.200	2312/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.200	4.200	4.200		3.000	3.000			
4	Hội trường Trường THCS thị trấn Cái Tắc	2021-2023	7.000	7.000	2224/QĐ-UBND, 01/12/2020	7.000	7.000	7.000		5.000	5.000			
5	Nâng cấp sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rach Gỏi B	2021-2023	1.500	1.500	2222/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.500	1.500	1.500		1.300	1.300			
6	Trường THCS Nhơn Nghĩa A	2021-2023	9.900	9.900	2223/QĐ-UBND, 01/12/2020	9.900	9.900	9.900		4.000	4.000			
7	Nâng cấp Trường THCS Trường Long A	2021-2023	1.500	1.500	2220/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.500	1.500	1.500		1.400	1.400			

Phụ lục số III

DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)

(Kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng



STT	 Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước				Thu hồi các khoản nợ XD/CB	Tổng số	
a	TỔNG SỐ			866.648	796.348	265.291	-	265.291	200.000	200.000	-	-	-	
b	Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					27.000		27.000	7.500	7.500				
c	Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất								150.000	150.000				
	Vốn thực hiện dự án			866.648	796.348	238.291	-	238.291	42.500	42.500	-	-	-	
*	TỈNH QUẢN LÝ			742.275	672.275	114.218	-	114.218	19.550	19.550	-	-	-	
I	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang			742.275	672.275	114.218	-	114.218	19.550	19.550	-	-	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			742.275	672.275	114.218	-	114.218	19.550	19.550	-	-	-	
	Xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn I, huyện Châu Thành A			742.275	672.275	114.218	-	114.218	19.550	19.550	-	-	-	
I	HUYỆN QUẢN LÝ	2010-2023	1736/QĐ-UBND, 19/8/2010	742.275	672.275	114.218	-	114.218	19.550	19.550	-	-	-	
**	UBND thành phố Vị Thanh			124.373	124.073	124.073	-	124.073	22.950	22.950	-	-	-	
I	Dự án Khởi công mới năm 2021			42.024	42.024	42.024	-	42.024	4.420	4.420	-	-	-	
	Dự án nhóm C			42.024	42.024	42.024	-	42.024	4.420	4.420	-	-	-	
I	Nâng cấp sửa chữa Đường số 1, phường IV, thành phố Vị Thanh	2021-2023	2080/QĐ-UBND, 27/11/2020	4.731	4.731	4.731	-	4.731	1.500	1.500	-	-	-	
2	Đường Hòa Bình nối dài	2021-2023	2063/QĐ-UBND, 26/11/2020	37.293	37.293	37.293	-	37.293	2.920	2.920	-	-	-	
II	UBND thành phố Ngã Bảy			17.193	17.193	17.193	-	17.193	2.975	2.975	-	-	-	

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn đầu tư tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó
	Dự án Khởi công mới năm 2021			17.193	17.193	17.193	17.193	17.193	-	2.975	-	2.975	-
	Dự án nhóm C			17.193	17.193	17.193	17.193	17.193	-	2.975	-	2.975	-
I	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm phường Lai Hiếu (đoạn từ đường Ngõ Quyền đến Trụ sở phường)	2021-2023	2142/QĐ-UBND, 30/11/2020	3.193	3.193	3.193	3.193	3.193		1.100		1.100	
2	Công viên cây xanh và khu tái định cư cấp đường Lê Hồng Phong và đường Phạm Hùng (nối dài)	2021-2023	2180/QĐ-UBND, 01/12/2020	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000		1.875		1.875	
III	UBND thị xã Long Mỹ			20.337	20.337	20.337	20.337	20.337	-	3.825	-	3.825	-
	Dự án Khởi công mới năm 2021			20.337	20.337	20.337	20.337	20.337	-	3.825	-	3.825	-
	Dự án nhóm C			20.337	20.337	20.337	20.337	20.337	-	3.825	-	3.825	-
1	Tuyến lộ cấp kênh lộ hoang	2021-2023	2057/QĐ-UBND, 26/11/2020	5.339	5.339	5.339	5.339	5.339		1.800		1.800	
2	Trụ sở UBND phường Vĩnh Tường	2021-2023	2091/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.998	14.998	14.998	14.998	14.998		2.025		2.025	
IV	UBND huyện Long Mỹ			5.940	5.940	5.940	5.940	5.940	-	1.700	-	1.700	-
	Dự án Khởi công mới năm 2021			5.940	5.940	5.940	5.940	5.940	-	1.700	-	1.700	-
	Dự án nhóm C			5.940	5.940	5.940	5.940	5.940	-	1.700	-	1.700	-
I	Tuyến đường kênh Ngang (đoạn từ cầu 7 Ký đến 7 Quyền)	2021-2023	2163/QĐ-UBND, 01/12/2020	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500		500		500	
2	Tuyến đường bờ đống kênh 2 Quyền đoạn từ cầu 10 Thước đến kênh Chông Mỹ	2021-2023	2169/QĐ-UBND, 01/12/2020	4.440	4.440	4.440	4.440	4.440		1.200		1.200	
V	UBND huyện Vị Thủy			6.294	6.294	6.294	6.294	6.294	-	1.870	-	1.870	-
	Dự án Khởi công mới năm 2021			6.294	6.294	6.294	6.294	6.294	-	1.870	-	1.870	-
	Dự án nhóm C			6.294	6.294	6.294	6.294	6.294	-	1.870	-	1.870	-
I	Đường GTNT ấp Tân Long	2021-2023	2061/QĐ-UBND, 26/11/2020	6.294	6.294	6.294	6.294	6.294		1.870		1.870	
IV	UBND huyện Phụng Hiệp			5.010	5.010	5.010	5.010	5.010	-	1.785	-	1.785	-
	Dự án Khởi công mới năm 2021			5.010	5.010	5.010	5.010	5.010	-	1.785	-	1.785	-

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định chủ trương/Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn thu tiền sử dụng đất						Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thu hồi các khoản ứng trước	
I	Tuyến Kênh Ngang TT Búng Tàu - xã Hiệp Hưng	2021-2023	2166/QĐ-UBND, 01/12/2020	5.010	5.010	5.010		5.010			1.785	1.785		
V	UBND huyện Châu Thành			17.891	17.591	17.591		17.591			2.975	2.975		
	Dự án Khởi công mới năm 2021			17.891	17.591	17.591		17.591			2.975	2.975		
I	Nâng cấp cơ sở hạ tầng khu tái định cư thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	2021-2023	2101/QĐ-UBND, 27/11/2020	3.891	3.591	3.591		3.591			1.200	1.200		
2	Khu hành chính xã Đông Phú, huyện Châu Thành	2021-2023	2086/QĐ-UBND, 27/11/2020	14.000	14.000	14.000		14.000			1.775	1.775		
VI	UBND huyện Châu Thành A			9.684	9.684	9.684		9.684			3.400	3.400		
	Dự án Khởi công mới năm 2021			9.684	9.684	9.684		9.684			3.400	3.400		
I	Tuyến giao thông nông thôn Kênh Bờ Trảm	2021-2023	2133/QĐ-UBND, 30/11/2020	4.684	4.684	4.684		4.684			1.600	1.600		
2	Tuyến giao thông Kênh 7000 ấp Trương Thuận - Trương Thuận A	2021-2023	2121/QĐ-UBND, 30/11/2020	5.000	5.000	5.000		5.000			1.800	1.800		

Phụ lục số IV

PHỤ LỤC MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)

(Kam theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025			Kế hoạch vốn năm 2021 nguồn ngân sách địa phương				Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn vay lại		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: Bộ chỉ ngân sách địa phương		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vay lại		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB		
												Tổng số	
	TỔNG SỐ			926.446	252.741	673.436	215.741	-	47.000	47.000	-	-	
	Vốn thực hiện dự án			926.446	252.741	673.436	215.741	-	47.000	47.000	-	-	
*	Tính quản lý			91.829	36.141	91.829	36.141	-	5.000	5.000	-	-	
I	Sở Y tế			91.829	36.141	91.829	36.141	-	5.000	5.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2021			91.829	36.141	91.829	36.141	-	5.000	5.000	-	-	
	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Hậu Giang	2021-2024	501/QĐ-UBND 19/3/2019	91.829	36.141	91.829	36.141		5.000	5.000			
**	Huyện quản lý			834.617	216.600	581.607	179.600	-	42.000	42.000	-	-	
I	UBND thành phố Vị Thanh			834.617	216.600	581.607	179.600	-	42.000	42.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021			834.617	216.600	581.607	179.600	-	42.000	42.000	-	-	
	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	2020-2024	496/QĐ-UBND 27/3/2017	834.617	216.600	581.607	179.600		42.000	42.000			

PHÁT BIỂU BẾ MẠC KỲ HỌP THỨ 19 CỦA CHỦ TỊCH HÒND TỈNH

Kính thưa đồng chí Lê Tiến Châu, Bí thư Tỉnh ủy,

Thưa các vị đại biểu tham dự kỳ họp,

Thưa cô bác cử tri và Nhân dân trong tỉnh,

Qua 02 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao trước cử tri và Nhân dân trong tỉnh, Kỳ họp thứ 19, Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã hoàn thành toàn bộ nội dung, chương trình đề ra.

Với trách nhiệm của mình, các vị đại biểu HĐND tỉnh đã tập trung trí tuệ nghiên cứu tài liệu, thảo luận dân chủ, tham gia tích cực vào các nội dung của kỳ họp. Kỳ họp đã xem xét, biểu quyết thông qua 22 nghị quyết, bao gồm nghị quyết về các lĩnh vực kinh tế - ngân sách, văn hóa - xã hội, pháp chế và công tác khác. Đây là những nghị quyết quan trọng, bao trùm toàn bộ các nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh, có nghị quyết chỉ đạo triển khai thực hiện trong năm 2021, có những nghị quyết đề ra cho cả nhiệm kỳ.

Chủ tọa kỳ họp đánh giá cao tinh thần làm việc trách nhiệm, tích cực và nghiêm túc của đại biểu tham dự kỳ họp, những ý kiến đóng góp tâm huyết của cử tri trong tỉnh, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh và các sở, ngành trong việc giải trình, giải quyết những vấn đề bức xúc, kiến nghị của cử tri. Ý kiến tham gia xây dựng chính quyền của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) tỉnh và báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh đã góp phần quan trọng vào việc ban hành các nghị quyết của HĐND tỉnh có tính khả thi cao.

Thưa quý vị đại biểu và toàn thể cô bác cử tri,

Năm 2021, là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 14 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2026, năm kết thúc nhiệm kỳ của HĐND, UBND khóa IX để chuyển giao cho nhiệm kỳ mới, đây được dự báo là năm có nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt, có những mặt, lĩnh vực còn khó khăn hơn so với năm 2020.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn, các ý kiến thảo luận, góp ý rất xác đáng của quý vị đại biểu tham dự kỳ họp và trên cơ sở phát huy tốt các nguồn lực, kinh nghiệm trong chỉ đạo quản lý, điều hành nhiệm kỳ qua. Chúng ta đã thống nhất biểu quyết thông qua nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hậu Giang 5 năm 2021 - 2026 và kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 với những mục tiêu đồng bộ, đột phá và toàn diện.

Thưa quý vị đại biểu và toàn thể cô bác cử tri,

Ngoài việc thực hiện các nội dung vừa nêu trên, HĐND tỉnh còn thực hiện công tác thuộc thẩm quyền để bầu các chức danh phó chủ tịch UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và đạt kết quả rất cao. Kết quả bầu cử cho thấy sự thống nhất và tín nhiệm cao của các đại biểu đối với các chức danh được bầu tại kỳ họp này. Do vậy, tôi đề nghị các đồng chí được tín nhiệm bầu giữ các chức vụ quan trọng trong UBND tỉnh, tiếp tục phát huy trí tuệ, tinh thần đoàn kết, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân, điều hành tốt các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các nghị quyết HĐND tỉnh đề ra.

Kỳ họp này, đại biểu và cử tri được nghe 8 đơn vị sở, ngành và Chủ tịch UBND tỉnh giải trình, làm rõ nhiều vấn đề liên quan đến sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với trách nhiệm của mình, các đại biểu HĐND tỉnh đã thẳng thắn nêu lên những vấn đề bức xúc được cử tri trong tỉnh quan tâm. Đối với các cơ quan có trách nhiệm giải trình, đã thể hiện được trách nhiệm của mình trong quản lý ngành thông qua việc trả lời một cách thấu đáo, đúng nội dung mà đại biểu HĐND tỉnh đặt ra, đồng thời, đã đưa ra nhiều giải pháp thực hiện những lĩnh vực mà ngành mình quản lý, qua đó nhận được sự đồng tình cao của đại biểu và cử tri trong tỉnh.

Đặc biệt, cũng tại kỳ họp này, HĐND tỉnh được nghe ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Lê Tiến Châu, Bí thư Tỉnh ủy, đó là những quan điểm, chủ trương lớn của Tỉnh ủy, vừa có tính định hướng về nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh nhà, vừa là sự chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh năm 2021 và các năm tiếp theo.

Thưa quý vị đại biểu và toàn thể cô bác cử tri,

Với tính chất nhiệm vụ chính trị đặt ra trong bối cảnh năm 2021, tỉnh ta xác định sẽ có nhiều khó khăn, thách thức thật sự trên con đường phát triển đi lên của tỉnh nhà. Do vậy, đòi hỏi các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cần chủ động hơn nữa, năng động sáng tạo hơn nữa, phát huy tối đa sức mạnh nội lực, tiềm năng lợi thế tỉnh nhà, dám nghĩ, dám làm, đề cao trách nhiệm và quyết tâm chính trị cao, đoàn kết toàn dân, phấn đấu thi đua hoàn thành tất cả các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Nhân dịp này, tôi kêu gọi cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân trong tỉnh tiếp tục đoàn kết, phát huy truyền thống yêu nước, yêu quê hương, hăng hái thi đua lao động sản xuất, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021, góp phần tạo đà để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị cho cả giai đoạn 2021 - 2026.

HĐND tỉnh yêu cầu Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh tiếp tục thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của HĐND tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh. Sau kỳ họp này, đề nghị UBND tỉnh triển khai thực hiện các nghị quyết vừa được thông qua đúng theo luật định, quan tâm chỉ đạo thực hiện các đề án, chương trình đúng mục tiêu và tiến độ đề ra. Các Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức tiếp

xúc cử tri để báo cáo kết quả kỳ họp đến cử tri và Nhân dân trong tỉnh. Các vị đại biểu HĐND tỉnh phải thường xuyên liên hệ chặt chẽ với cử tri, tiếp thu và phản ánh trung thực ý kiến của cử tri đến HĐND tỉnh, động viên Nhân dân thực hiện tốt các nghị quyết đã ban hành, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND trong năm 2021.

Kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh đã thành công tốt đẹp. Thay mặt HĐND tỉnh, tôi xin cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo thường xuyên của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; cảm ơn UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các ngành đã phối hợp chặt chẽ trong quá trình chuẩn bị và tổ chức kỳ họp; sự tham mưu, phục vụ của Văn phòng HĐND tỉnh và UBND tỉnh, các cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình đã kịp thời đưa tin, góp phần vào thành công chung của kỳ họp.

Trước thềm năm mới 2021, trong không khí vui tươi chuẩn bị đón Tết Nguyên đán Tân Sửu, với niềm tin quyết tâm vào thắng lợi mới. Tôi xin tuyên bố bế mạc Kỳ họp thứ 19, HĐND tỉnh khóa IX nhiệm kỳ 2016 - 2021./.

Trân trọng cảm ơn!